

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân Hàng TMCP Tiên Phong

Ngày 31/12/2025	17,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.8%	-7.2%	28.3%

DT thuần Q4/25
-5,235
tỷ VNĐ
QoQ: ▼741 -16.5%
YoY: ▼1,444 -38.1%

LN thuần Q4/25
-337
tỷ VNĐ
QoQ: ▼227 -207%
YoY: ▼80.0 -31.3%

LN sau thuế Q4/25
5.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.59
YoY: ▲ 5.59

Tỷ suất lãi EBIT 2025
18.5%
YoY: +/-▼ 13.4%

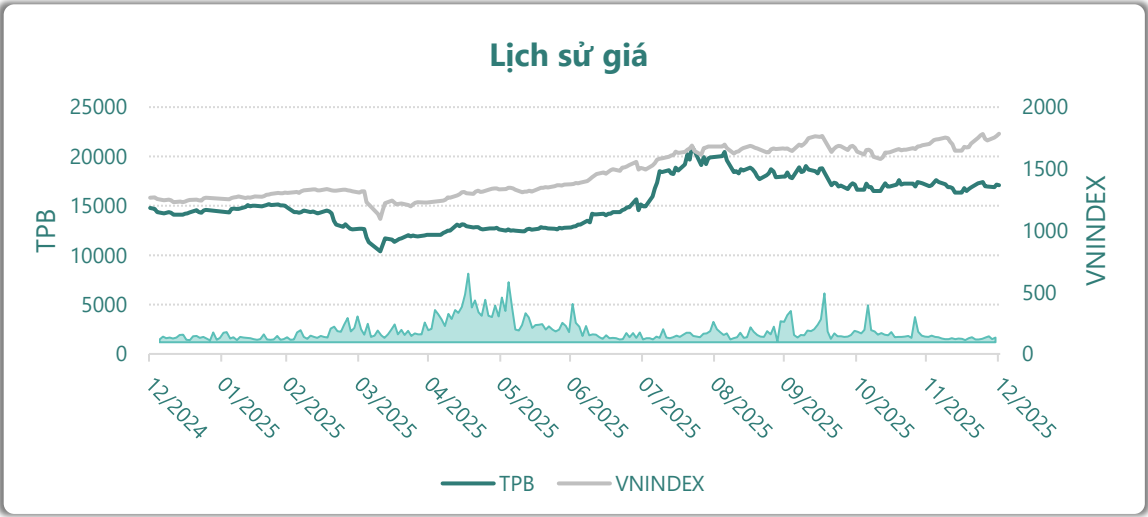
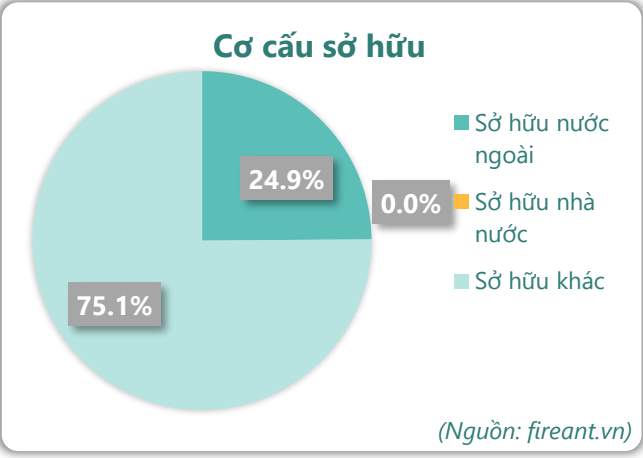
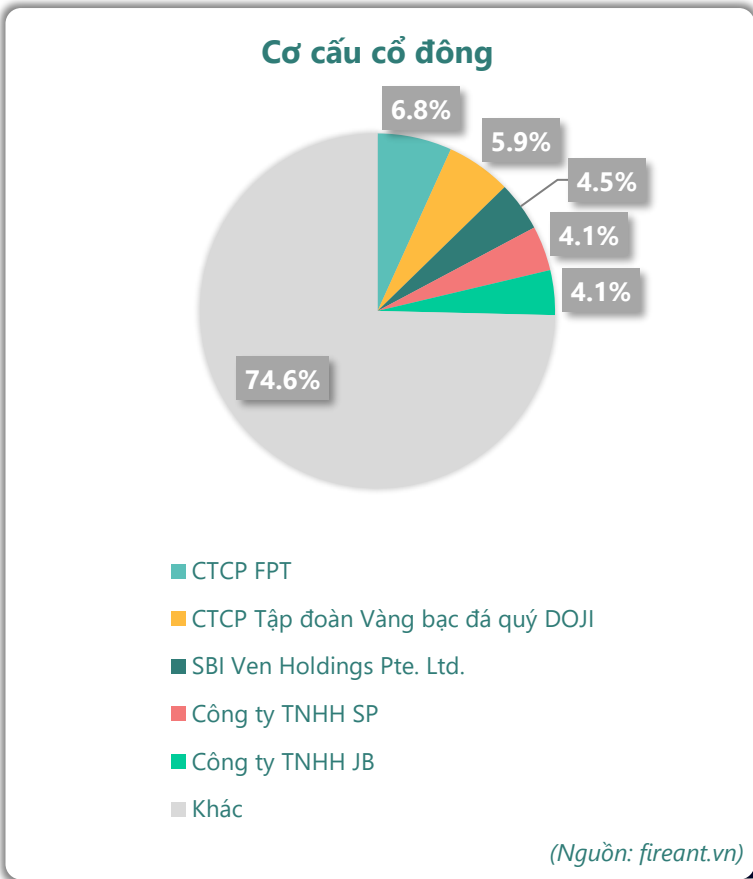
ROE 2025

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,387 - 21,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47,436
Số lượng CPLH (CP)	2,774,046,873
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,373,728
Sở hữu nước ngoài	24.9%
Beta	1.39
EPS	2,660
P/E	6.4

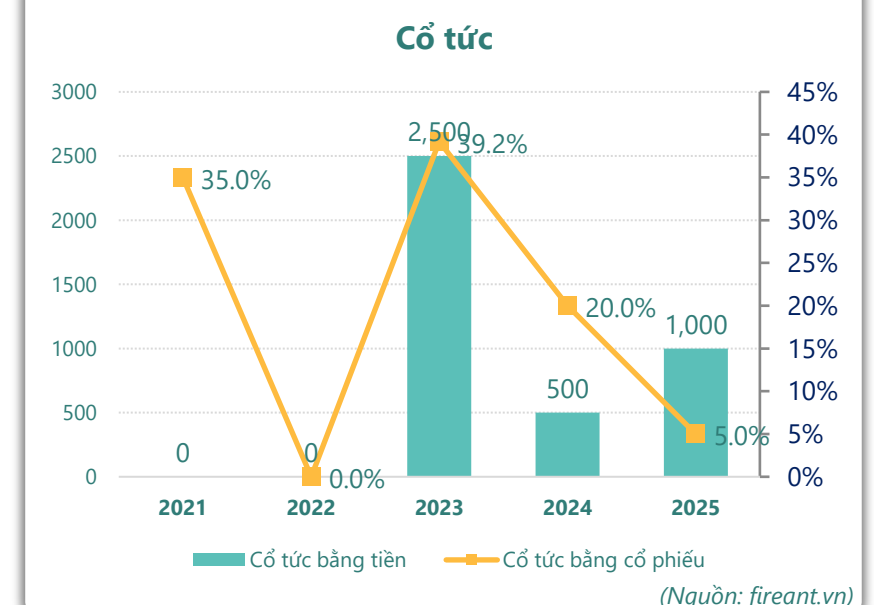
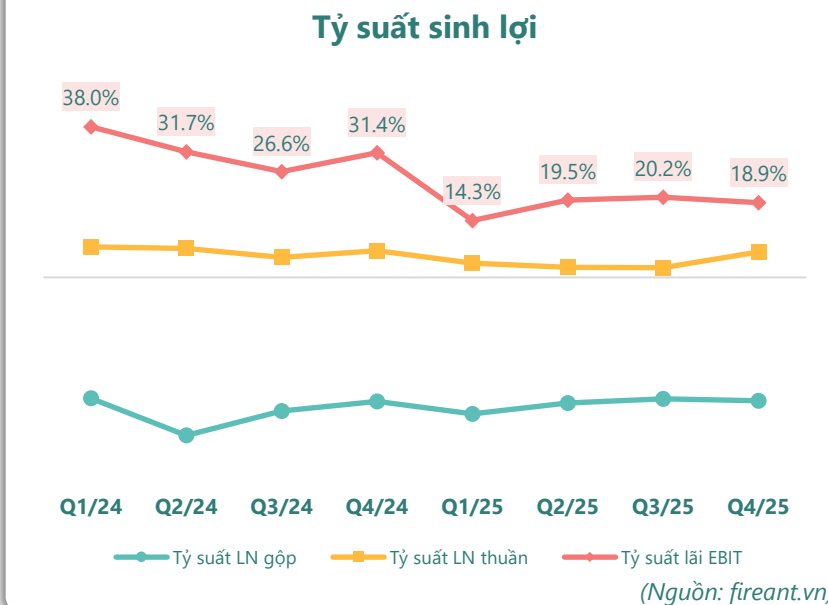
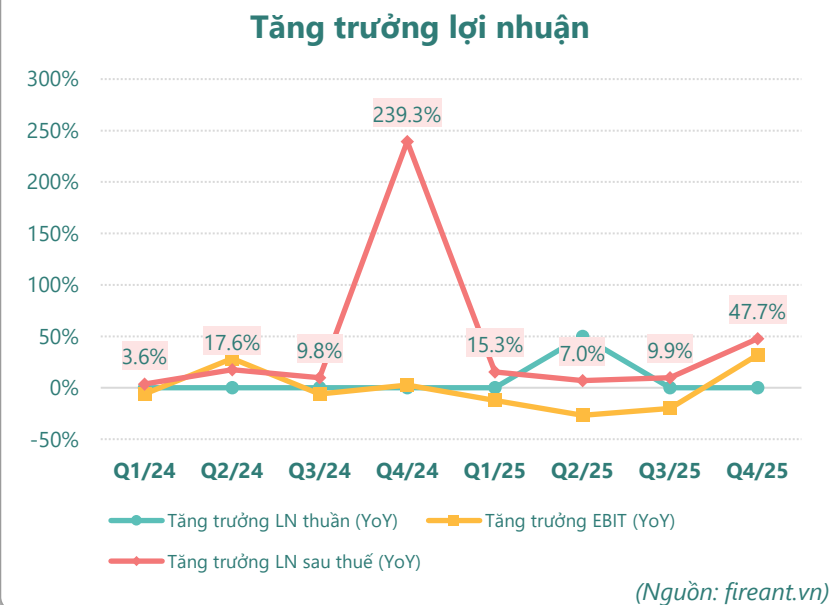
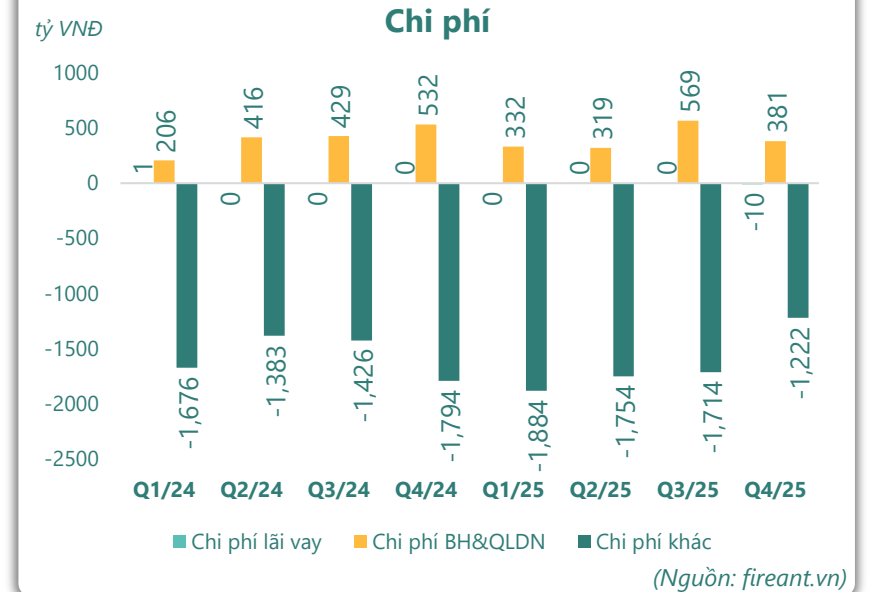
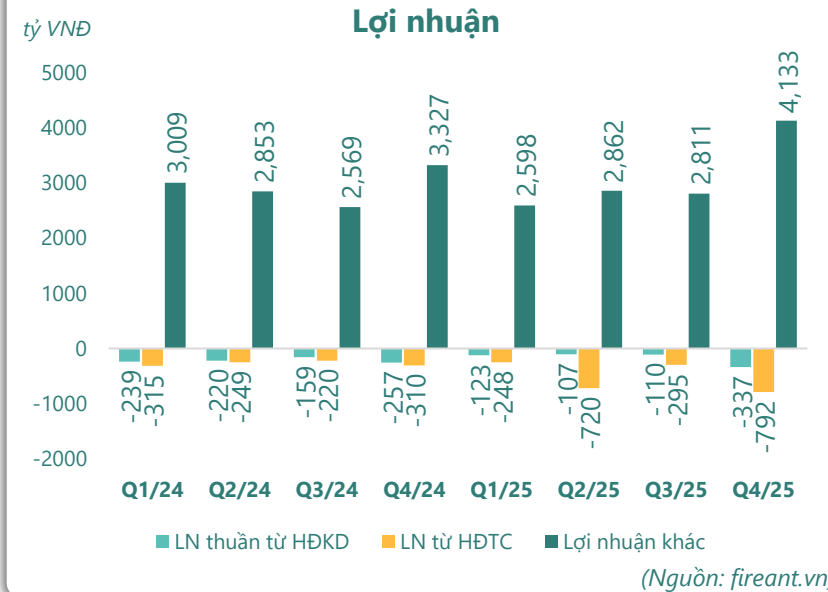
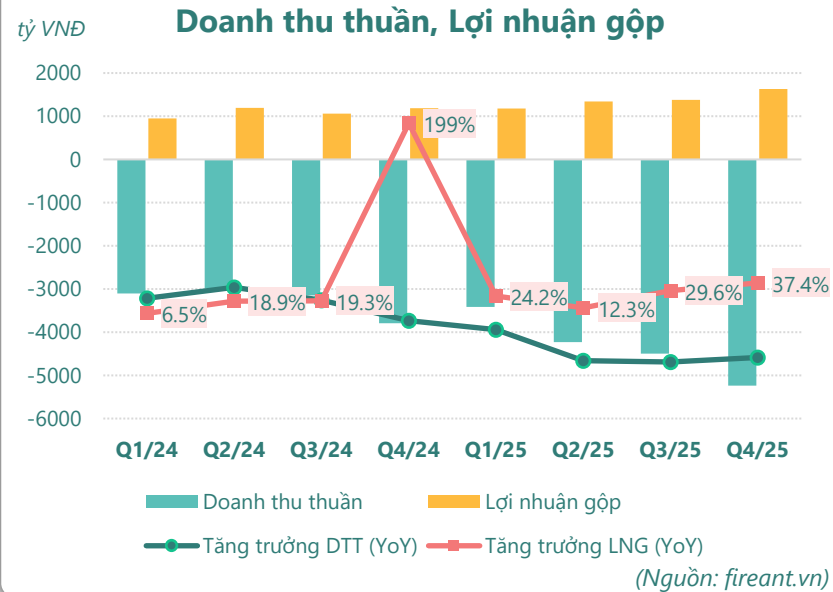
DT thuần 2025
-17,379
tỷ VNĐ
YoY: ▼4,337 -33.3%

LN thuần 2025
-677
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 198 22.7%

LN sau thuế 2025
5.59
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.59



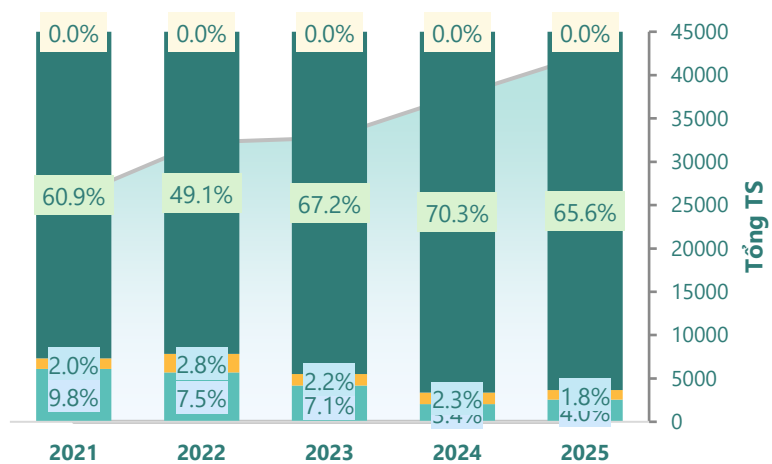
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

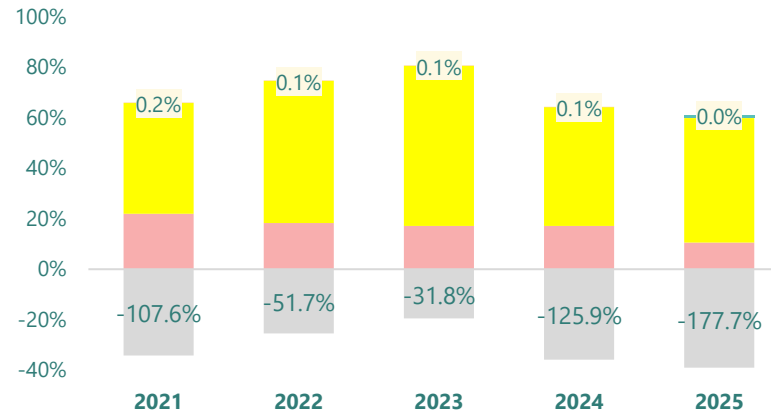
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



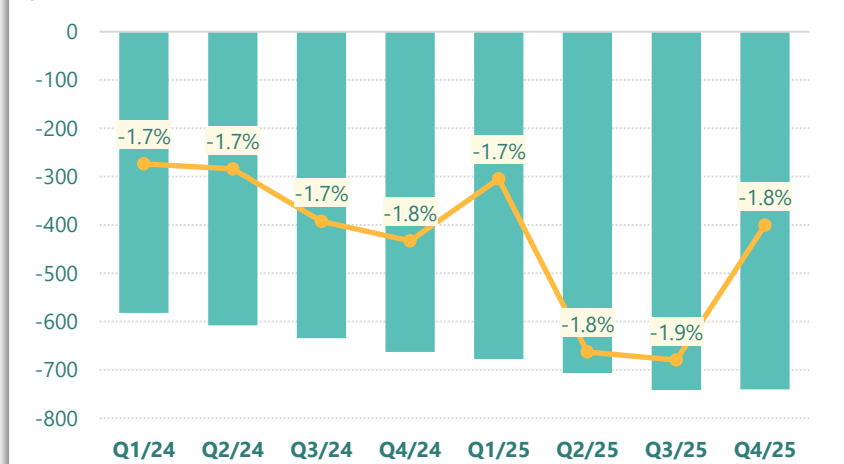
■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

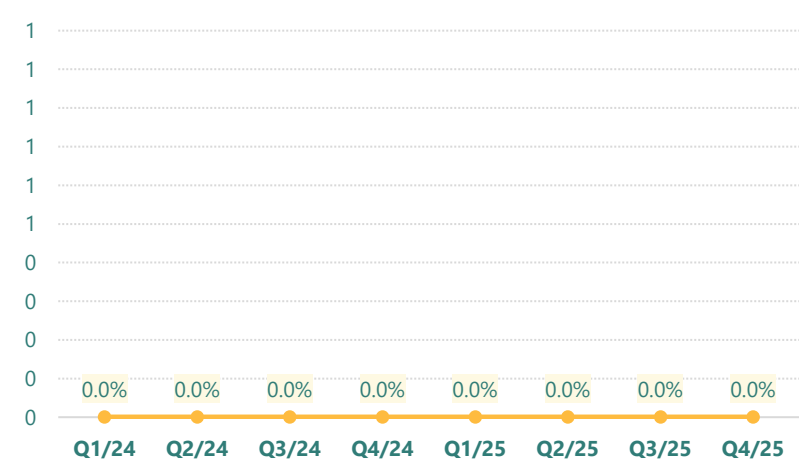


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

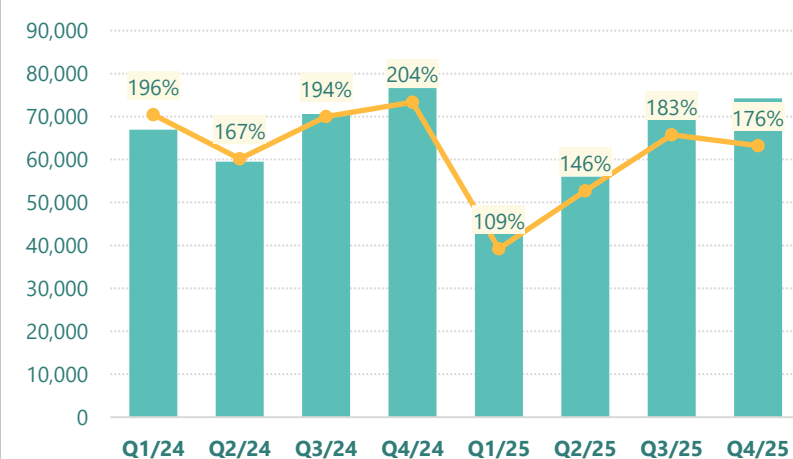


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

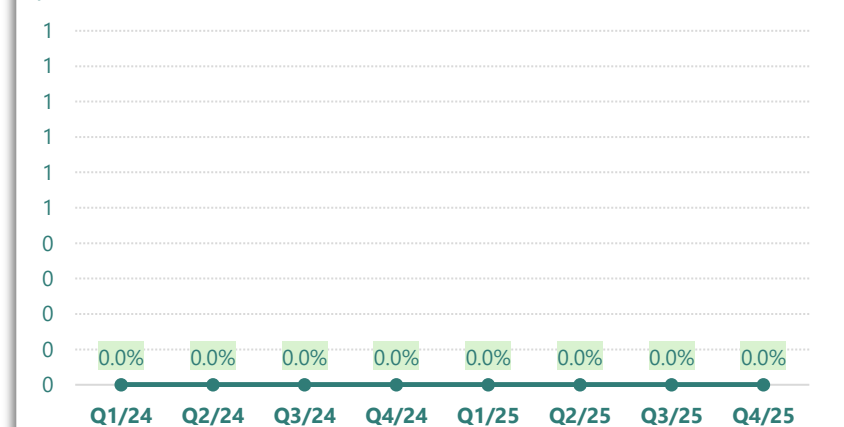


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

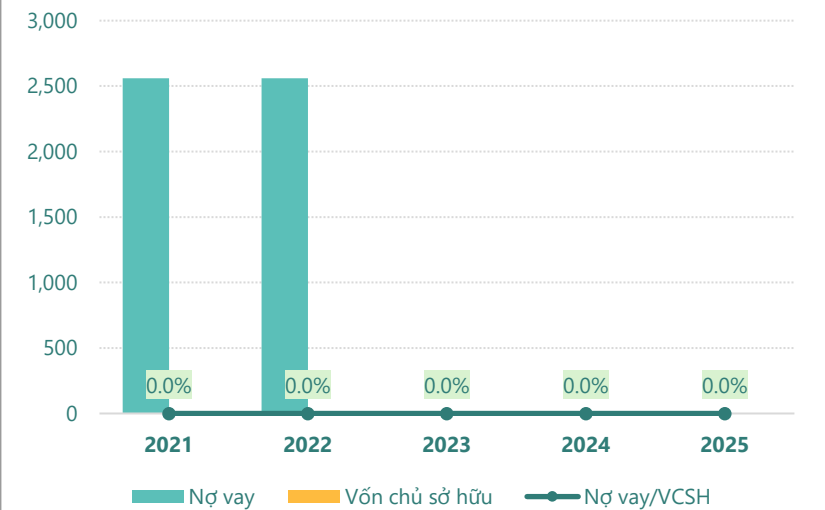
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



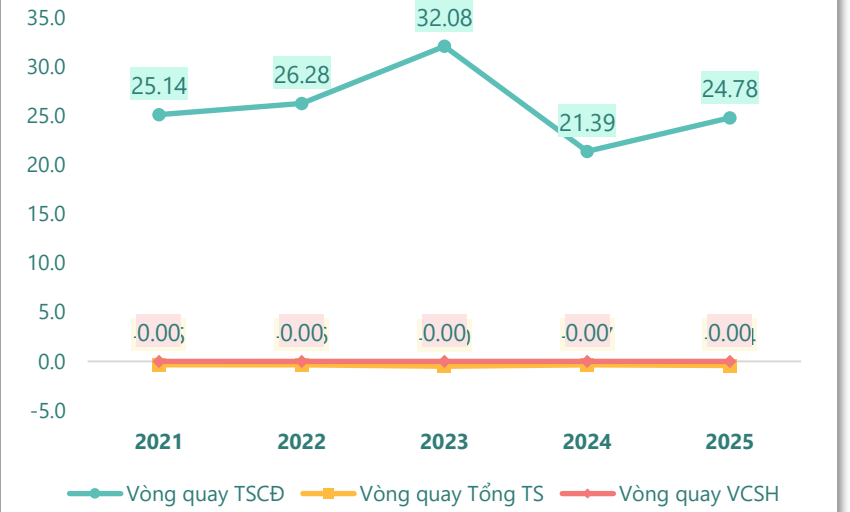
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



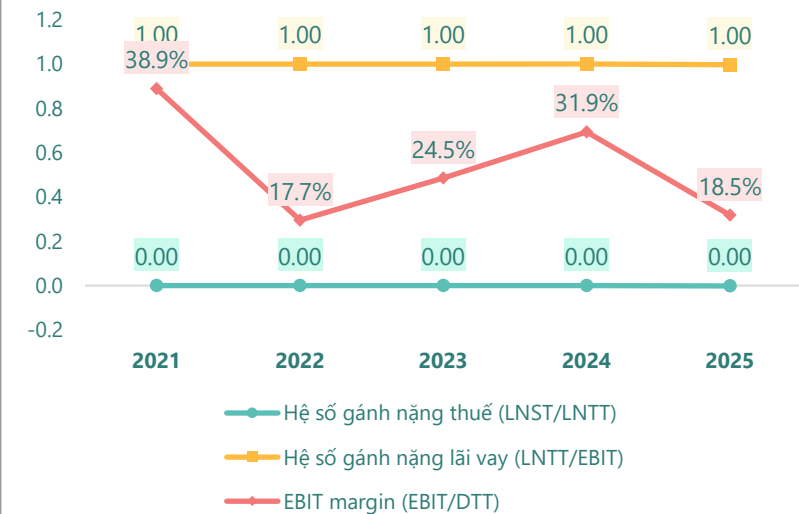
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



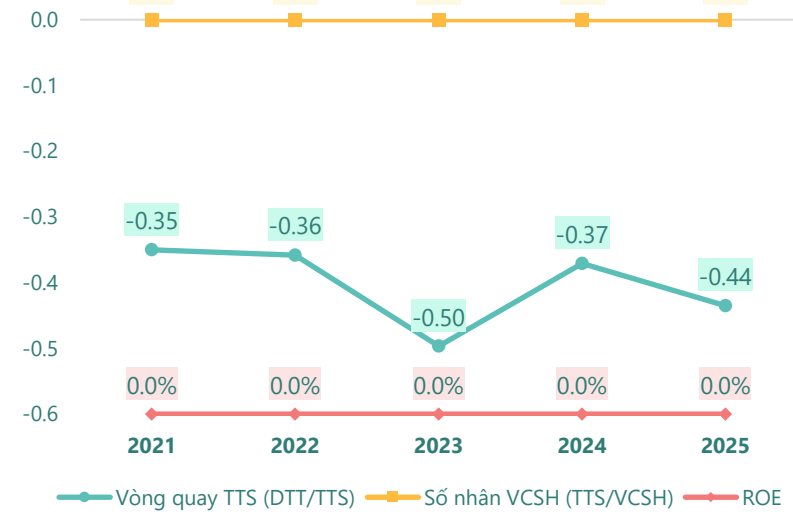
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



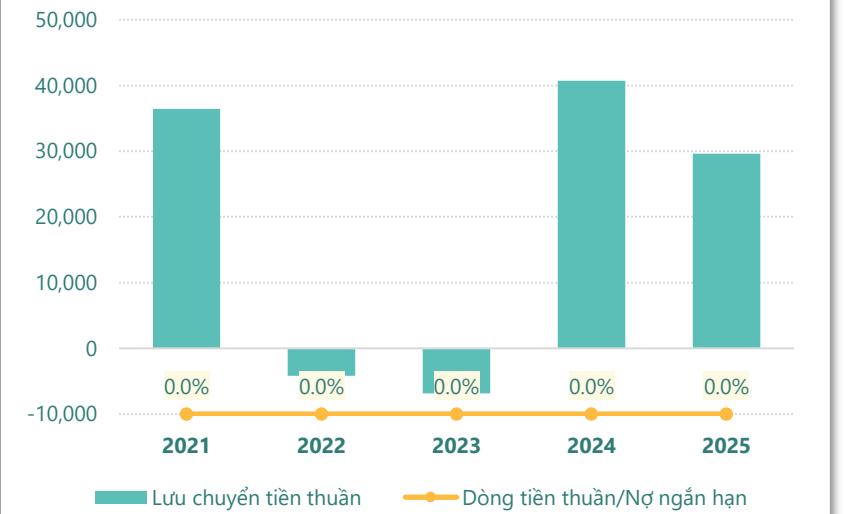
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	-5,235	-3,791	-38.1%	-17,379	-13,042	-33.3%
Giá vốn hàng bán	1,224	909	34.7%	4,158	3,364	23.6%
Lợi nhuận gộp	1,628	1,184	37.5%	5,519	4,386	25.8%
Doanh thu HĐTC	-403	-27.5	-1367%	-1,361	-1,023	-33.1%
Chi phí TC	388	282	37.7%	694	319	118%
Chi phí lãi vay	-9.99	0.00		-10.3	0.18	-5811%
LN trong công ty LKLD	7.75	725	-98.9%	179	1,095	-83.7%
Chi phí bán hàng	21.9	137	-84.0%	462	354	30.6%
Chi phí QLDN	359	394	-8.8%	1,139	1,229	-7.3%
LN thuần từ HĐKD	-337	-257	-31.3%	-677	-875	22.7%
Lợi nhuận khác	4,133	3,327	24.2%	12,404	11,759	5.5%
LN trước thuế	-978	-1,191	17.9%	-3,201	-4,159	23.0%
Lợi nhuận sau thuế	5.59	0.00		5.59	0	
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0.00	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5,335	29,531	-41,476	21,756	17,762	31,756
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.7	-145	-71.8	-62.4	-27.3	-1,410
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	320	248	-30.0	1,014	1,347	-959
Tiền đầu kỳ	50,891	56,934	86,149	44,781	67,278	86,612
Lưu chuyển tiền thuần	5,624	29,634	-41,578	22,708	19,082	29,387
Ảnh hưởng tỷ giá	420	-420	210	-210	252	-252
Tiền cuối kỳ	56,934	86,149	44,781	67,278	86,612	115,747

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	42,284	37,594	12.5%
Tài sản ngắn hạn	1,705	1,293	31.9%
Tiền và tương đương tiền	20,460	22,708	-9.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	94,871	62,183	52.6%
Phải thu ngắn hạn	2,112	0.00	1184400%
Hàng tồn kho	0	44.7	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	749	857	-12.6%
Phải thu dài hạn	2,257	2,134	5.8%
Tài sản cố định	-740	-663	-11.7%
Bất động sản đầu tư	102	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	74,216	76,598	-3.1%
Tài sản dài hạn khác	8,140	6,019	35.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27,740	26,420	5.0%
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

